CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

NỘI DUNG **Trang**

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị	**Chức vụ**
Ông Dương Minh Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Cung	Phó chủ tịch
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Thành viên
Ông Ngô Phi Hậu	Thành viên
Ông Hoàng Mầng	Thành viên

Ban Giám đốc	**Chức vụ**
Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Phi Hậu	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách sản xuất
Ông Huỳnh Đông Hà	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách đối ngoại
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách kinh doanh

Người đại diện theo pháp luật	**Chức vụ**
Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc

Kiểm toán độc lập:	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 25 , báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N: 0302684945-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ
QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

Trần Cung
Tổng Giám đốc

Viet Australia
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC
7 Nam Quốc Cang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3925 1360 Fax: (84-8) 3925 1359
Số: 16032902012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1 - Bao gồm trong khoản mục hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, có số hàng tồn kho bị hư và quá hạn sử dụng là 5.890.188.108 đồng. Công ty không lập dự phòng giảm giá đối với số hàng tồn kho bị hư và quá hạn sử dụng này.

2 - Trong khoản mục Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 01 tháng 01 năm 2015 có số tiền 6.000.000.000 đồng đầu tư vào Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ. Công ty không đưa ra được bằng chứng phù hợp để làm cơ sở hạch toán số tiền này.

3 - Trong số dư Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 84.791.883.639 đồng, còn số dư 53.605.896.545 đồng chưa được xác nhận đầy đủ và chúng tôi cũng không thể xác minh số dư này bằng các thủ tục kiểm toán khác.

4 - Số dư khoản mục Cổ phiếu quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.258.914.058 đồng được Công ty ghi nhận trong năm 2013. Việc ghi nhận này chưa phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT ÚC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VIỆT ÚC

LÊ QUỐC HIẾU	**PHẠM QUỐC HẢI**
Giám đốc	Kiểm toán viên
GCNĐKHNKT số: 0209-2013-160-1	GCNĐKHNKT số: 1168-2013-160-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**135.723.148.984**	**135.710.342.097**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**1.301.202.791**	**311.920.445**
Tiền	111		1.301.202.791	311.920.445
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**84.791.883.639**	**91.962.597.605**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	75.229.249.814	80.971.806.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		321.595.000	1.566.616.426
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	9.241.038.825	9.424.174.842
Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**49.260.923.402**	**43.184.382.687**
Hàng tồn kho	141		49.260.923.402	43.184.382.687
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**369.139.152**	**251.441.360**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	173.564.841	55.867.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	195.574.311	195.574.311
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**111.309.751.967**	**121.005.401.046**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.127.617.345**	**2.127.617.345**
Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	2.127.617.345	2.127.617.345
Tài sản cố định	**220**		**55.090.049.172**	**60.235.644.204**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	55.090.049.172	60.235.644.204
Nguyên giá	222		104.357.113.594	102.090.983.684
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.267.064.422)	(41.855.339.480)
Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.7**	**39.348.210.645**	**39.348.210.645**
Đầu tư vào công ty con	251		33.348.210.645	33.348.210.645
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**14.743.874.805**	**19.293.928.852**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	14.743.874.805	19.293.928.852
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**247.032.900.951**	**256.715.743.143**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**244.543.308.586**	**259.992.148.572**
Nợ ngắn hạn	**310**		**152.957.867.506**	**209.132.271.487**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	46.288.493.224	52.369.397.693
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.067.365.654	2.288.840.808
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	4.222.103.427	3.376.107.935
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	78.447.799.087	82.552.427.028
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.012.483.338	3.453.816.426
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	19.897.207.598	65.069.266.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.415.178	22.415.178
Nợ dài hạn	**330**		**91.585.441.080**	**50.859.877.085**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	91.585.441.080	50.859.877.085
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.489.592.365**	**(3.276.405.429)**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.13**	**2.489.592.365**	**(3.276.405.429)**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(4.258.914.058)	(4.258.914.058)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.384.118.384	2.384.118.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(105.635.611.961)	(111.401.609.755)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(111.401.609.755)	(112.280.865.203)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.765.997.794	879.255.448
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**247.032.900.951**	**256.715.743.143**

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

M.S.D.N: 0302664945 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ QUẬN 10-TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Tuấn	Hồ Xuân Bình	Trần Cung
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**96.654.268.288**	**79.372.004.642**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	452.941.459	106.342.659
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**96.201.326.829**	**79.265.661.983**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	54.809.112.151	39.502.267.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**41.392.214.678**	**39.763.394.840**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.750.293	8.894.488
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.986.944.427	17.717.047.790
- Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		*11.199.356.917*	*17.544.733.358*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	2.706.424.107	2.572.774.678
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	19.278.821.789	18.418.533.645
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**7.424.774.648**	**1.063.933.215**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.939.023.860	1.445.303.583
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.597.800.714	1.629.981.350
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(1.658.776.854)**	**(184.677.767)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**5.765.997.794**	**879.255.448**
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**5.765.997.794**	**879.255.448**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		537	82

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

M.S.D.N: 0302664949 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Tuấn	Hồ Xuân Bình	Trần Cung
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**5.765.997.794**	**879.255.448**
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		7.528.932.504	7.735.766.181
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		643.143.025	114.094.976
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		179.896.645	905.158.710
- Chi phí lãi vay	06		11.199.356.917	17.544.733.358
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**25.317.326.885**	**27.179.008.673**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.027.669.212	(8.476.417.463)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.076.540.715)	2.680.496.532
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7.054.960.014)	(8.981.853.808)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.432.356.255	(1.121.491.673)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.301.653.512)	(5.139.016.322)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	100.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(140.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**8.344.198.111**	**6.100.725.939**
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.667.984.410)	(853.000.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	454.545.455
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.750.293	8.894.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(2.563.234.117)**	**(389.560.057)**
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		18.242.642.347	-
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.038.551.360)	(6.072.009.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(4.795.909.013)**	**(6.072.009.744)**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**985.054.981**	**(360.843.862)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**311.920.445**	**672.281.008**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.227.365	483.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**1.301.202.791**	**311.920.445**

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Anh Tuấn	Hồ Xuân Bình	Trần Cung
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ ("Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2002, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Công ty là một công ty cổ phần niêm yết tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và sàn UPCOM theo Mã chứng khoán là: CGP do cổ phần hóa DNNN từ năm 1996.

Vốn điều lệ đăng ký: 110.000.000.000 VND

Trụ sở chính: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

Địa điểm kinh doanh: Công ty có bốn (04) địa điểm kinh doanh như sau:

1./ Kho hàng Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ tại Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Nhà máy sản xuất US Pharma USA - Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ (Hoạt động độc lập) tại Lô B1-10 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường D2, Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

3./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Gian hàng F16 Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế tại số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

4./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Cửa hàng Dược phẩm Cần Giờ tại số 64 đường Duyên Hải, khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên	Năm nay	Năm trước
Tại thời điểm 31 tháng 12	60	69

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 17.234.718.522 đồng.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

a. Danh sách các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10, đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	100%

b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ	6 Thi Sách, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	39%	39%	39%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

- Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.
- Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (chi tiết xem thuyết minh VII.2), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.

Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau:

+ Các khoản tiền, nợ phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.

+ Các khoản nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/12/2014	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.375 VND/USD	Không áp dụng
31/12/2015	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

- Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có quyền kiểm soát của nhà đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể mà không phải là công ty con của nhà đầu tư.
- Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.
- Các khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của hội đồng quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông), hội đồng thành viên của công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

b. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

a. Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

b. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

c. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

9. Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Công ty chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao căn cứ vào thời gian ngắn hơn khi so giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản với thời gian thuê tài chính. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có được quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được tính căn cứ vào thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí hoạt động đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng chưa được thanh toán. Các chi phí này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí này được ghi nhận theo dự toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp;
- Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận theo giá trị do các thành viên, [cổ đông sáng lập] định giá theo nguyên tắc nhất trí [hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá];
- Vốn góp của cổ đông được ghi nhận trên cơ sở số lượng cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá; phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, hoặc doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

c. Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

d. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

e. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

f. Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí trực tiếp thuộc về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được trong năm tài chính. Giá vốn hàng bán cũng bao gồm các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt mất mát hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

17. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương tương tiền	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt tại quỹ	525.531.922	134.030.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	775.670.869	177.890.265
Tổng cộng	**1.301.202.791**	**311.920.445**

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2015	01/01/2015
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt	16.532.444.881	16.532.444.881
Công ty CP Dược Phẩm Trung Phần C.G	9.464.858.905	9.494.858.905
Công ty TNHH Dược Phẩm và Mỹ Phẩm Mỹ Trung	9.356.171.690	9.606.171.690
Các bên liên quan	9.597.490.609	16.451.121.923
Các khoản phải thu khách hàng khác	30.278.283.729	28.887.208.938
Tổng cộng	**75.229.249.814**	**80.971.806.337**
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH US Pharma USA	9.597.490.609	16.451.121.923
Tổng cộng	**9.597.490.609**	**16.451.121.923**

3. Phải thu khác	31/12/2015		01/01/2015	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	961.998.810		1.102.100.097	
Lyka Labs., Ltd	1.989.592.240		1.989.592.240	
Các bên liên quan (*)	3.803.800.000		3.803.800.000	
Phải thu khác	2.485.647.775		2.528.682.505	
Tổng cộng	**9.241.038.825**	**-**	**9.424.174.842**	**-**

(*) Chi tiết tại mục VII.1 Thuyết minh các bên liên quan

b. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	336.534.488		336.534.488	
Phải thu khác	1.791.082.857		1.791.082.857	
Tổng cộng	**2.127.617.345**	**-**	**2.127.617.345**	**-**

4. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
Thành phẩm	34.521.821.065		34.521.821.065	
Hàng hoá	14.739.102.337		8.662.561.622	
Tổng cộng	**49.260.923.402**	**-**	**43.184.382.687**	**-**

5. Chi phí trả trước	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngắn hạn		
Phí tư vấn đăng ký giao dịch chứng khoán	68.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	65.233.980	55.867.049
Các khoản khác	40.330.861	-
Tổng cộng	**173.564.841**	**55.867.049**

b. Dài hạn

Chi phí phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	7.756.479.182	9.049.225.718
Chi phí thuê đất	3.460.471.545	3.555.713.877
Hủy hàng hư hỏng, quá hạn sử dụng	1.901.021.468	3.974.863.070
Các khoản khác	1.625.902.610	2.714.126.187
Tổng cộng	**14.743.874.805**	**19.293.928.852**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2015	43.394.513.637	54.562.289.002	3.505.692.900	628.488.145		102.090.983.684
- Mua trong năm	792.984.410	1.875.000.000				2.667.984.410
- Thanh lý, nhượng bán			(401.854.500)			(401.854.500)
Số dư 31/12/2015	44.187.498.047	56.437.289.002	3.103.838.400	628.488.145	-	104.357.113.594
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2015	18.675.069.234	19.909.879.517	2.641.902.584	628.488.145		41.855.339.480
- Khấu hao trong năm	3.485.122.352	3.838.697.795	205.112.357			7.528.932.504
- Thanh lý, nhượng bán			(117.207.562)			(117.207.562)
Số dư 31/12/2015	22.160.191.586	23.748.577.312	2.729.807.379	628.488.145	-	49.267.064.422
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2015	24.719.444.403	34.652.409.485	863.790.316	-	-	60.235.644.204
- Tại ngày 31/12/2015	22.027.306.461	32.688.711.690	374.031.021	-	-	55.090.049.172

7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	33.348.210.645			33.348.210.645		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.000.000.000			6.000.000.000		
Tổng cộng	**39.348.210.645**	-	-	**39.348.210.645**	-	-

8. Phải trả người bán	**31/12/2015**	**01/01/2015**
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP XNK Y Tế TPHCM	15.334.882.041	17.304.267.582
Các bên liên quan	27.259.306.837	30.097.770.368
Phải trả cho các đối tượng khác	3.694.304.346	4.967.359.743
Tổng cộng	**46.288.493.224**	**52.369.397.693**
b. Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	23.759.306.529	25.756.067.975
Công ty TNHH US Pharma USA	3.500.000.308	4.341.702.393
Tổng cộng	**27.259.306.837**	**30.097.770.368**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	**Số phải nộp trong năm**	**Số thực nộp trong năm**	**31/12/2015**
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng (TPHCM)	2.660.644.175	6.149.645.474	7.134.746.800	1.675.542.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	18.853.539	-	18.853.539
Thuế thu nhập cá nhân	711.464.120	156.529.796	281.297.826	586.696.090
Tiền thuê đất	3.999.640	367.496.596	367.496.596	3.999.640
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	1.937.011.309	-	1.937.011.309
Tổng cộng	**3.376.107.935**	**8.634.536.714**	**7.788.541.222**	**4.222.103.427**

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm là số truy thu thuế của năm tài chính 2009, 2010 theo Quyết định của Cơ quan thuế sau khi kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế.

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng (Hà Nội)	195.574.311	-	-	195.574.311
Tổng cộng	**195.574.311**	-	-	**195.574.311**

10. Chi phí phải trả	**31/12/2015**	**01/01/2015**
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	78.447.799.087	82.552.427.028
Tổng cộng	**78.447.799.087**	**82.552.427.028**

11. Phải trả khác	**31/12/2015**	**01/01/2015**
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	21.228.240	28.550.746
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.187.400	2.056.871.800
Phải trả bên liên quan (*)	-	475.947.348
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.116.067.698	892.446.532
Tổng cộng	**3.012.483.338**	**3.453.816.426**

(*) Chi tiết tại mục VII.1 Thuyết minh các bên liên quan

12. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn	**Loại tiền**	**Lãi suất năm**	**21.228.240,00**	**28.550.746,00**
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	VND	8,15%	7.344.922.725	29.951.556.695
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	USD	6,50%	-	14.850.847.770
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	VND	11,50%	8.183.834.879	9.690.362.879
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND		954.199.091	4.704.199.091
Các tổ chức và cá nhân khác	VND		3.414.250.903	5.872.299.984
Tổng cộng			**19.897.207.598**	**65.069.266.419**

b. Vay dài hạn	**Loại tiền**	**Lãi suất năm**	**21.228.240,00**	**28.550.746,00**
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	VND	9,50%	80.811.433.780	50.859.877.085
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	USD	6,50%	10.774.007.300	-
Tổng cộng			**91.585.441.080**	**50.859.877.085**

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**110.000.000.000**	**(4.258.914.058)**	**2.384.118.384**	**-**	**(112.280.865.203)**	**(4.155.660.877)**
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					879.255.448	879.255.448
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	**110.000.000.000**	**(4.258.914.058)**	**2.384.118.384**	**-**	**(111.401.609.755)**	**(3.276.405.429)**
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					5.765.997.794	5.765.997.794
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	**110.000.000.000**	**(4.258.914.058)**	**2.384.118.384**	**-**	**(105.635.611.961)**	**2.489.592.365**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**31/12/2015**	**01/01/2015**
Vốn góp của Nhà nước	1.563.610.000	1.563.610.000
Vốn góp của các đối tượng khác	108.436.390.000	108.436.390.000
Tổng cộng	**110.000.000.000**	**110.000.000.000**

- Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã góp đủ theo giấy đăng ký kinh doanh.
- Công ty không có các giao dịch về vốn chủ sở hữu, phân chia cổ tức, chia lợi nhuận trong năm tài chính.

c. Cổ phiếu	**31/12/2015**	**01/01/2015**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*11.000.000*	*11.000.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	264.292	264.292
+ Cổ phiếu phổ thông	*264.292*	*264.292*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.735.708	10.735.708
+ Cổ phiếu phổ thông	*10.735.708*	*10.735.708*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

(*) Trong năm 2002 Công ty ghi nhận vốn góp của năm (05) cổ đông nhưng chưa thu tiền nên ghi nhận ở tài khoản phải thu khác 4.258.914.058 đồng, tương đương 264.292 cổ phần. Sau đó cổ đông cũng không góp tiền, việc này không phù hợp với quy định. Nay Công ty tạm phân loại số cổ phiếu đó thành cổ phiếu quỹ để xóa khoản phải thu không thu được tiền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	60.654.268.288	44.572.004.642
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000.000	34.800.000.000
Tổng cộng	**96.654.268.288**	**79.372.004.642**
b. Doanh thu đối với các bên liên quan *(Chi tiết tại mục VII.1 Thuyết minh các bên liên quan)*	36.000.000.000	34.800.000.000
c. Doanh thu cho thuê tài sản	36.000.000.000	34.800.000.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**452.941.459**	**106.342.659**
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	452.941.459	106.342.659

3. Giá vốn hàng bán	**Năm nay**	**Năm trước**
Giá vốn của hàng hoá đã bán	54.809.112.151	39.502.267.143
Tổng cộng	**54.809.112.151**	**39.502.267.143**

4. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.750.293	8.894.488
Tổng cộng	**4.750.293**	**8.894.488**

5. Chi phí tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
Lãi tiền vay	11.199.356.917	17.544.733.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	144.444.485	58.219.456
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	643.143.025	114.094.976
Tổng cộng	**11.986.944.427**	**17.717.047.790**

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	**Năm nay**	**Năm trước**
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.733.959.112	1.820.773.709
Chi phí tổ chức sự kiện, hội nghị	338.237.955	30.827.273
Chi phí hàng mẫu/ Khuyến mãi	112.932.656	316.360.539
Các khoản chi phí QLDN khác	521.294.384	404.813.157
Tổng cộng	**2.706.424.107**	**2.572.774.678**
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	5.715.352.796	5.495.526.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.528.932.504	7.735.766.181
Các khoản chi phí QLDN khác	6.034.536.489	5.187.240.777
Tổng cộng	**19.278.821.789**	**18.418.533.645**

c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Điều chỉnh giảm chi phí nhân viên	12.150.000	107.502.034
Các khoản ghi giảm khác	11.644.884	1.337.906
Tổng cộng	**23.794.884**	**108.839.940**

7. Thu nhập khác	**Năm nay**	**Năm trước**
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	100.000.000	454.545.455
Bán tài sản thế chấp (*)	3.750.000.000	-
Các khoản khác	89.023.860	990.758.128
Tổng cộng	**3.939.023.860**	**1.445.303.583**

(*) Đây là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 51, địa chỉ xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh đã được dùng để góp vốn thành lập Công ty TNHH Bao Bì Văn Cơ nhưng trên giấy tờ pháp lý không thể hiện quyền sử dụng đất của Công ty CP Dược Phẩm Cần Giờ (Cagipharm) và cũng không chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Bao Bì Văn Cơ. Sau đó, thửa đất này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội của Cagipharm và trong năm 2015 Ngân hàng đã bán để thu nợ vay. Trên cở sở của các giấy tờ pháp lý, Cagipharm đã ghi nhận khoản giảm nợ vay này vào tài khoản thu nhập khác.

8. Chi phí khác	**Năm nay**	**Năm trước**
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	284.646.938	1.368.598.653
Các khoản bị phạt	5.073.330.424	-
Các khoản khác	239.823.352	261.382.697
Tổng cộng	**5.597.800.714**	**1.629.981.350**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	**Năm nay**	**Năm trước**
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	178.098.204	47.493.220
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	208.250.650	142.322.228
Chi phí nhân công	7.449.311.908	7.316.300.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.528.932.504	7.735.766.181
Chi phí hàng mẫu, khuyến mãi	112.932.656	316.360.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.139.271.468	2.540.311.910
Chi phí bằng tiền khác	3.368.448.506	2.892.753.849
Tổng cộng	**21.985.245.896**	**20.991.308.323**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco) là cổ đông quản lý vốn Nhà nước.
Công ty có quyền kiểm soát Công ty TNHH US Pharma USA do chiếm 100% vốn điều lệ.
Công ty có quyền kiểm soát Công ty TNHH Bao Bì Văn Cơ do chiếm 39% vốn điều lệ.

Ban quản lý chủ chốt	**Chức vụ**
Ông Dương Minh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT)
Ông Trần Cung	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Lan Trang	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc - Phụ trách kinh doanh
Ông Ngô Phi Hậu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc - Phụ trách sản xuất
Ông Hoàng Mầng	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Đông Hà	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách đối ngoại
Ông Hồ Xuân Bình	Kế toán trưởng

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
Công ty con		
Công ty TNHH US Pharma USA	36.000.000.000	34.800.000.000
Tổng cộng	**36.000.000.000**	**34.800.000.000**

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
Công ty con		
Công ty TNHH US Pharma USA	55.765.500.539	38.284.392.893
Tổng cộng	**55.765.500.539**	**38.284.392.893**

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt	**Năm nay**	**Năm trước**
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.940.594.183	2.003.919.185

b. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu khách hàng (Thuyết minh V.2)		
Công ty con		
Công ty TNHH US Pharma USA	9.597.490.609	16.451.121.923
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh V.3)		
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Bao Bì Văn Cơ	3.803.800.000	3.803.800.000
Phải trả người bán (Thuyết minh V.10)		
Công ty con		
Công ty TNHH US Pharma USA	3.500.000.308	4.341.702.393
Cổ đông quản lý vốn Nhà nước		
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	23.759.306.529	25.756.067.975
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh V.13)		
Công ty con		
Công ty TNHH US Pharma USA	-	475.947.348

2. Thông tin so sánh

Do việc áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 nên một số khoản mục số liệu đầu kỳ phải phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	**01/01/2015** (Phân loại lại)	**01/01/2015** (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác (Mã số: 136)	9.424.174.842	8.322.074.745
Tài sản ngắn hạn khác (Mã số: 155)	-	1.438.634.585
Phải thu dài hạn khác (Mã số: 216)	2.127.617.345	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số: 322)	22.415.178	(1.768.667.679)

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Anh Tuấn	Hồ Xuân Bình	Trần Cung
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**